

Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 25

Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng Ký kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0900989442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 12 tháng 4 năm 2016, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là cung cấp dịch vụ logistics, kho bãi, lưu giữ hàng hóa, dịch vụ vận tải hàng hóa và các hoạt động hỗ trợ logistics khác.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tổ dân phố Bưởi, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hoàng Hải	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2024
Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2024
Ông Ngô Trọng Dũng	Thành viên	
Ông Trần Công Thành	Thành viên	
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên	
Ông Huỳnh An Trung	Thành viên	
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2024
Ông Nguyễn Công Bằng	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Quang	Trưởng ban	
Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên	
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2024
Ông Huỳnh Văn Toàn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2024

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tư	Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2024
Bà Trần Thị Kim Ngân	Giám đốc	miễn nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hoàng Hải.

Ông Nguyễn Văn Tư được Ông Nguyễn Hoàng Hải ủy quyền để ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 18/UQ-TTL ngày 25 tháng 12 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Tư
Giám đốc

Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 17 tháng 2 năm 2025

Số tham chiếu: 67732108/12852293

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long (“Công ty”) được lập ngày 17 tháng 2 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 25, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1



Phạm Xuân Tuân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 4639-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 2 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		76.206.417.377	68.366.545.253
110	I. Tiền và khoản tương đương tiền	4	5.167.547.384	1.939.717.353
111	1. Tiền		3.167.547.384	1.939.717.353
112	2. Khoản tương đương tiền		2.000.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		70.306.062.243	66.014.214.124
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	31.828.042.454	27.495.385.402
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		6.658.123	26.700.284
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	30.000.000.000	30.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	8.471.361.666	8.492.128.438
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		732.807.750	412.613.776
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	650.394.269	412.613.776
153	2. Thuê và các khoản phải thu Nhà nước		82.413.481	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		207.074.718.292	221.406.404.394
220	I. Tài sản cố định		196.691.361.027	211.673.125.229
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	196.024.301.881	210.697.147.059
222	Nguyên giá		274.278.219.415	274.278.219.415
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(78.253.917.534)	(63.581.072.356)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	667.059.146	975.978.170
228	Nguyên giá		2.308.034.910	2.308.034.910
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.640.975.764)	(1.332.056.740)
260	II. Tài sản dài hạn khác		10.383.357.265	9.733.279.165
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	10.383.357.265	9.733.279.165
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		283.281.135.669	289.772.949.647

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		56.803.491.195	62.151.368.264
310	I. Nợ ngắn hạn		48.303.491.195	36.151.368.264
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	25.576.022.158	13.506.718.889
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.869.785.701	2.021.366.401
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	653.749.601	238.809.778
319	4. Phải trả ngắn hạn khác		3.150.193	40.925.554
320	5. Vay ngắn hạn	14	20.000.000.000	20.000.000.000
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	200.783.542	343.547.642
330	II. Nợ dài hạn		8.500.000.000	26.000.000.000
338	1. Vay dài hạn	14	8.500.000.000	26.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		226.477.644.474	227.621.581.383
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	226.477.644.474	227.621.581.383
411	1. Vốn cổ phần		218.224.630.000	218.224.630.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		218.224.630.000	218.224.630.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.253.014.474	9.396.951.383
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.098.912.027	1.295.168.540
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		6.154.102.447	8.101.782.843
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		283.281.135.669	289.772.949.647

Nguyễn Thị Ngọc Châm
Người lập

Vũ Thị Hậu
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tư
Giám đốc

Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 17 tháng 2 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	17.1	107.060.511.491	104.601.757.802
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	18	(95.753.752.062)	(89.583.535.370)
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		11.306.759.429	15.018.222.432
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	2.476.658.151	2.630.320.331
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	19	(2.660.383.562) (2.660.383.562)	(4.287.086.492) (4.287.086.492)
25	6. Chi phí bán hàng	20	(478.602.622)	(398.260.206)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(2.960.718.935)	(3.182.698.365)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.683.712.461	9.780.497.700
31	9. Thu nhập khác		113.176.827	538.291.328
32	10. Chi phí khác		(44.212.890)	(182.095.234)
40	11. Lợi nhuận khác		68.963.937	356.196.094
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.752.676.398	10.136.693.794
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(1.598.573.951)	(1.788.910.951)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.154.102.447	8.347.782.843
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.4	282	374
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	16.4	282	374

Nguyễn Thị Ngọc Châm
Người lập

Vũ Thị Hậu
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tư
Giám đốc

Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 17 tháng 2 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		7.752.676.398	10.136.693.794
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9,10	14.981.764.202	14.995.117.742
05	Lãi tiền gửi		(2.476.658.151)	(2.624.599.526)
06	Chi phí lãi vay		2.660.383.562	4.287.086.492
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.918.166.011	26.794.298.502
09	Tăng các khoản phải thu		(4.395.828.372)	(4.374.644.512)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		12.530.174.412	(3.777.105.031)
12	Tăng chi phí trả trước		(887.858.593)	(1.289.194.822)
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.705.333.943)	(4.463.123.288)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(1.788.910.951)	(1.190.555.871)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(894.064.556)	(997.912.994)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		24.776.344.008	10.701.761.984
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		-	(50.000.000)
23	Tiền chi cho vay các đơn vị khác		-	(61.104.547.945)
24	Thu tiền vay từ các đơn vị khác		-	49.604.547.945
27	Thu lãi tiền gửi		2.498.224.923	2.609.358.431
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		2.498.224.923	(8.940.641.569)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	16.1	-	36.020.430.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	14	(17.500.000.000)	(34.000.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho các cổ đông	16.1	(6.546.738.900)	(6.546.738.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(24.046.738.900)	(4.526.308.900)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		3.227.830.031	(2.765.188.485)
60	Tiền và khoản tương đương tiền đầu năm		1.939.717.353	4.704.905.838
70	Tiền và khoản tương đương tiền cuối năm	4	5.167.547.384	1.939.717.353



Nguyễn Thị Ngọc Châm
Người lập



Vũ Thị Hậu
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Tư
Giám đốc

Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 17 tháng 2 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNDKKD") số 0900989442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 12 tháng 4 năm 2016, và các GCNDKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là cung cấp dịch vụ logistics, kho bãi, lưu giữ hàng hóa, dịch vụ vận tải hàng hóa và các hoạt động hỗ trợ logistics khác.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tổ dân phố Bưởi, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 51 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 69 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Việt Nam Đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chứng từ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và khoản tương đương tiền

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, kiến trúc	20 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Tài sản cố định khác	8 - 15 năm
Phần mềm máy tính	3 - 7 năm

3.5 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả trước nhiều năm theo hợp đồng thuê hoạt động có hiệu lực sau 2003, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.8 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.9 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	63.005.283	52.463.225
Tiền gửi ngân hàng	3.104.542.101	1.887.254.128
Khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	5.167.547.384	1.939.717.353

(*) Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Hưng Yên, có thời hạn gốc một (1) tháng và hưởng lãi suất 4,4% /năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	31.650.813.044	27.450.366.115
Trong đó:		
- Công ty TNHH MTV Kinh đô Miền Bắc	21.741.922.014	17.632.643.430
- Công ty TNHH Dịch vụ EB	3.023.369.560	3.317.672.869
- Công ty TNHH Kimberly-Clark Việt Nam	2.153.565.893	2.332.089.870
- Công ty TNHH Meadeli HN	861.474.775	1.421.866.299
- Các công ty khác	3.870.480.802	2.746.093.647
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	177.229.410	45.019.287
TỔNG CỘNG	31.828.042.454	27.495.385.402

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 24) (*)	30.000.000.000	30.000.000.000

(*) Số cuối năm thể hiện khoản phải thu từ việc cho Công ty Cổ phần Transimex, công ty mẹ của Công ty, vay theo Hợp đồng Cho vay Số 01/HĐTC/TLL-TMS ngày 31 tháng 8 năm 2023 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho công ty mẹ. Khoản cho vay này có lãi suất 8%/năm và thời hạn thanh toán từ ngày 4 tháng 10 năm 2025 đến ngày 26 tháng 10 năm 2025.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược (*)	8.000.000.000	8.000.000.000
Lãi dự thu	454.049.666	475.616.438
Các khoản chi hộ	17.312.000	16.512.000
TỔNG CỘNG	8.471.361.666	8.492.128.438

Trong đó:

Phải thu đối với bên khác	8.037.389.064	8.016.512.000
Phải thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 24)	433.972.602	475.616.438

(*) Số cuối kỳ thể hiện số tiền đã đặt cọc theo Hợp đồng Dịch vụ số 01/2019/HĐDV-TLL ký ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Long Hưng Yên để thực hiện dự án mở rộng Trung tâm Logistics Thăng Long.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	650.394.269	412.613.776
Bảo hiểm	217.079.693	167.098.813
Chi phí công cụ, dụng cụ	117.407.369	7.013.639
Khác	315.907.207	238.501.324
Dài hạn	10.383.357.265	9.733.279.165
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng (*)	7.687.306.840	7.862.349.880
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.667.919.236	381.623.684
Chi phí bảo trì	420.715.909	81.993.248
Khác	607.415.280	1.407.312.353
TỔNG CỘNG	11.033.751.534	10.145.892.941

(*) Số cuối kỳ thể hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng để thuê lại đất tại Phường Dị Sử, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên có diện tích 29.750 m² với thời hạn thuê từ ngày 25 tháng 1 năm 2017 đến ngày 6 tháng 6 năm 2066. Số tiền này được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm. Số tiền này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 14).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm và số cuối năm	<u>166.882.451.207</u>	<u>34.547.223.117</u>	<u>46.068.649.906</u>	<u>26.779.895.185</u>	<u>274.278.219.415</u>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	42.200.000	-	89.669.000	131.869.000
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(25.609.319.287)	(9.083.710.673)	(18.307.458.567)	(10.580.583.829)	(63.581.072.356)
Khấu hao trong năm	<u>(5.277.081.936)</u>	<u>(2.571.550.032)</u>	<u>(4.611.864.792)</u>	<u>(2.212.348.418)</u>	<u>(14.672.845.178)</u>
Số cuối năm	<u>(30.886.401.223)</u>	<u>(11.655.260.705)</u>	<u>(22.919.323.359)</u>	<u>(12.792.932.247)</u>	<u>(78.253.917.534)</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>141.273.131.920</u>	<u>25.463.512.444</u>	<u>27.761.191.339</u>	<u>16.199.311.356</u>	<u>210.697.147.059</u>
Số cuối năm	<u>135.996.049.984</u>	<u>22.891.962.412</u>	<u>23.149.326.547</u>	<u>13.986.962.938</u>	<u>196.024.301.881</u>

Máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 14).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Phần mềm máy tính

Nguyên giá:

Số đầu năm và số cuối năm 2.308.034.910

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm (1.332.056.740)

Hao mòn trong năm (308.919.024)

Số cuối năm (1.640.975.764)

Giá trị còn lại:

Số đầu năm 975.978.170

Số cuối năm 667.059.146

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

Số cuối năm Số đầu năm

Phải trả các bên khác 2.391.347.655 1.828.140.793

Trong đó:

- Công ty TNHH TM & DV Tuấn Ninh 662.681.120 421.748.456

- Công ty Cổ Phần Phân Phối Công Nghiệp T&C 463.100.000 154.184.060

- Hợp Tác Xã Dịch Vụ Bốc Xếp Đình Vũ Hải Phòng 413.235.432 -

- Các công ty khác 852.331.103 1.252.208.277

Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 24) 23.184.674.503 11.678.578.096

TỔNG CỘNG **25.576.022.158** **13.506.718.889**

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

VND

Số đầu năm Tăng trong năm Giảm trong năm Số cuối năm

Phải thu

Thuế giá trị gia tăng - 6.017.697.178 (6.017.697.178) -

Phải trả

Thuế thu nhập doanh nghiệp 1.788.910.951 1.598.573.951 (1.788.910.951) 1.598.573.951

Thuế thu nhập cá nhân 8.168.034 167.263.259 (175.431.293) -

Thuế giá trị gia tăng 224.287.416 8.533.900.640 (8.486.976.306) 271.211.750

TỔNG CỘNG **2.021.366.401** **10.299.737.850** **(10.451.318.550)** **1.869.785.701**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	193.259.397	238.209.778
Tiền thưởng cuối năm	447.656.261	-
Khác	12.833.943	600.000
TỔNG CỘNG	653.749.601	238.809.778

14. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14.1)	20.000.000.000	20.000.000.000
Dài hạn	8.500.000.000	26.000.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 14.1)	8.500.000.000	26.000.000.000
TỔNG CỘNG	28.500.000.000	46.000.000.000

Chi tiết tình hình tăng giảm các khoản vay được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	46.000.000.000	80.000.000.000
Trả nợ vay trong năm	(17.500.000.000)	(34.000.000.000)
Số cuối năm	28.500.000.000	46.000.000.000

14.1 Khoản vay dài hạn ngân hàng

Số cuối năm thể hiện khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ("Shinhan Việt Nam") với mục đích tài trợ cho dự án Trung tâm phân phối Logistics, kho bãi và vận chuyển Container của Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Shinhan Việt Nam	28.500.000.000	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2025 đến ngày 23 tháng 7 năm 2026	7	Khoản chi phí trả trước, tài sản gắn liền với đất, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải; và hợp đồng bảo lãnh từ Công ty Cổ phần Transimex

Trong đó:	
Vay dài hạn đến hạn trả	20.000.000.000
Vay dài hạn	8.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	343.547.642	1.004.460.636
Tạm trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh số 16.1)	751.300.456	246.000.000
Sử dụng quỹ	(894.064.556)	(906.912.994)
Số cuối năm	<u>200.783.542</u>	<u>343.547.642</u>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	VND		
	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:			
Số đầu năm	182.204.200.000	7.841.907.440	190.046.107.440
Phát hành cổ phiếu	36.020.430.000	-	36.020.430.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	8.347.782.843	8.347.782.843
Cổ tức công bố	-	(6.546.738.900)	(6.546.738.900)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(246.000.000)	(246.000.000)
Số cuối năm	<u>218.224.630.000</u>	<u>9.396.951.383</u>	<u>227.621.581.383</u>
Năm nay:			
Số đầu năm	218.224.630.000	9.396.951.383	227.621.581.383
Lợi nhuận thuần trong năm	-	6.154.102.447	6.154.102.447
Cổ tức công bố (*)	-	(6.546.738.900)	(6.546.738.900)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(751.300.456)	(751.300.456)
Số cuối năm	<u>218.224.630.000</u>	<u>8.253.014.474</u>	<u>226.477.644.474</u>

(*) Công ty đã chia cổ tức và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên số 01/2024/BB ĐHĐCĐ-TLL ngày 20 tháng 3 năm 2024.

16.2 Các giao dịch về vốn với các cổ đông

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp của các cổ đông		
Số đầu năm	218.224.630.000	182.204.200.000
Tăng trong năm	-	36.020.430.000
Số cuối năm	<u>218.224.630.000</u>	<u>218.224.630.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	6.546.738.900	6.546.738.900
Cổ tức đã trả	6.546.738.900	6.546.738.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.3 Cổ phiếu phổ thông

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu đăng ký phát hành	21.822.463	21.822.463
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	21.822.463	21.822.463
Cổ phiếu phổ thông	21.822.463	21.822.463
Cổ phiếu đang lưu hành	21.822.463	21.822.463
Cổ phiếu phổ thông	21.822.463	21.822.463

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

16.4 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	6.154.102.447	8.347.782.843
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(751.300.456)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	6.154.102.447	7.596.482.387
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	21.822.463	20.321.612
Lãi trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	282	374
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	282	374

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2024 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2024 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho bên thứ ba	104.177.163.450	101.832.203.101
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho bên liên quan (Thuyết minh số 24)	2.883.348.041	2.769.554.701
TỔNG CỘNG	107.060.511.491	104.601.757.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU (tiếp theo)

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	<u>2.476.658.151</u>	<u>2.630.320.331</u>

18. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.057.486.503	63.825.295.674
Chi phí khấu hao và hao mòn	14.682.895.334	14.696.248.874
Chi phí nhân công	5.968.478.434	8.279.135.828
Chi phí khác bằng tiền	<u>3.044.891.791</u>	<u>2.782.854.994</u>
TỔNG CỘNG	<u>95.753.752.062</u>	<u>89.583.535.370</u>

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	<u>2.660.383.562</u>	<u>4.287.086.492</u>

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng môi giới	226.003.087	150.422.765
Chi phí tiếp khách	93.509.953	107.442.939
Khác	<u>159.089.582</u>	<u>140.394.502</u>
TỔNG CỘNG	<u>478.602.622</u>	<u>398.260.206</u>

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	2.116.171.151	1.916.580.379
Chi phí khấu hao và hao mòn	298.868.868	298.868.868
Khác	<u>545.678.916</u>	<u>967.249.118</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.960.718.935</u>	<u>3.182.698.365</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.283.489.590	63.975.718.439
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 9 và 10)	14.981.764.202	14.995.117.742
Chi phí nhân công	8.084.649.585	10.195.716.207
Khác	3.843.170.242	3.997.941.553
TỔNG CỘNG	99.193.073.619	93.164.493.941

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% của lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN	1.598.573.951	1.788.910.951
TỔNG CỘNG	1.598.573.951	1.788.910.951

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.752.676.398	10.136.693.794
Thuế suất thuế TNDN 20% áp dụng cho Công ty	1.550.535.280	2.027.338.759
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	48,038,671	-
Điều chỉnh liên quan đến Nghị định số 132/2020/NĐ-CP	-	(238.427.808)
Chi phí thuế TNDN	1.598.573.951	1.788.910.951

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Ông Nguyễn Hoàng Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT") (từ ngày 18 tháng 6 năm 2024)
Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 18 tháng 6 năm 2024)
Ông Ngô Trọng Dũng	Thành viên HĐQT
Ông Trần Công Thành	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên HĐQT
Ông Huỳnh An Trung	Thành viên HĐQT
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (đến ngày 29 tháng 10 năm 2024)
Ông Nguyễn Công Bằng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Tư	Giám đốc (từ ngày 29 tháng 10 năm 2024)
Bà Vũ Thị Hậu	Kế toán trưởng
Ông Lê Hồng Quang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Từ Vĩ Trí	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Huỳnh Văn Toàn	Thành viên Ban kiểm soát (từ ngày 20 tháng 3 năm 2024)
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên Ban kiểm soát (đến ngày 20 tháng 3 năm 2024)
Công ty Cổ phần Transimex ("TMS")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Transimex – Chi nhánh Hà Nội ("TMS – Chi nhánh Hà Nội")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vinafreight ("VNF")	Cổ đông
Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại Thương ("VNT")	Cổ đông
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn ("Cholimex")	Cổ đông
Ông Ngô Trọng Dũng	Cổ đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
TMS	Cổ tức đã trả	3.170.420.400	3.170.420.400
	Mua dịch vụ	1.641.550.000	159.000.000
	Cung cấp dịch vụ	153.035.220	-
	Nhận góp vốn	-	9.616.430.000
TMS – Chi nhánh Hà Nội	Mua dịch vụ	50.270.564.993	48.095.207.763
	Cung cấp dịch vụ	1.671.268.246	837.376.434
VNF	Cổ tức đã trả	1.503.184.800	1.503.184.800
	Cung cấp dịch vụ	1.059.044.575	1.932.178.267
	Nhận góp vốn	-	4.555.110.000
VNT	Cổ tức đã trả	601.273.800	601.273.800
	Nhận góp vốn	-	1.822.040.000
Cholimex	Cổ tức đã trả	601.273.800	601.273.800
	Nhận góp vốn	-	1.822.040.000
Ông Ngô Trọng Dũng	Cổ tức đã trả	86.869.710	86.869.710
	Nhận góp vốn	-	500.000.000
Các cổ đông khác	Nhận góp vốn	-	17.704.810.000

Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và người quản lý khác như sau:

Tên	VND	
	Thu nhập	
	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Hoàng Hải	28.950.000	-
Ông Lê Văn Hùng	25.050.000	52.200.000
Ông Nguyễn Bảo Trung	-	4.500.000
Ông Ngô Trọng Dũng	32.400.000	32.400.000
Ông Trần Công Thành	32.400.000	32.400.000
Ông Nguyễn Bích Lâm	32.400.000	32.400.000
Ông Huỳnh An Trung	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Công Bằng	32.400.000	18.900.000
Bà Trần Thị Kim Ngân	443.235.538	507.036.393
Ông Nguyễn Văn Tư	349.208.084	337.173.063
Ông Lê Hồng Quang	32.400.000	32.400.000
Ông Từ Vĩ Trí	21.600.000	12.600.000
Ông Huỳnh Văn Toàn	16.800.000	-
Bà Lê Thị Ngọc Anh	3.600.000	21.600.000
Ông Phạm Đức Hạnh	-	9.000.000
Bà Vũ Thị Hậu	297.926.783	305.754.971
TỔNG CỘNG	1.384.370.405	1.434.364.427

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

	VND	
Bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 5)		
TMS – Chi nhánh Hà Nội	177.229.410	45.019.287
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)		
TMS	30.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)		
TMS	433.972.602	475.616.438
Phải trả người bán (Thuyết minh số 11)		
TMS – Chi nhánh Hà Nội	23.184.674.503	11.506.858.096
TMS	-	171.720.000
	23.184.674.503	11.678.578.096

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.


Nguyễn Thị Ngọc Châm
Người lập


Vũ Thị Hậu
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Tư
Giám đốc

Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Ngày 17 tháng 2 năm 2025